TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 300/2019/HNGĐ-ST
Ngày 03-7-2019
V/v tranh chấp về ly hôn giữa chị N với anh K.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

2. Ông Nguyễn Thanh Tiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 78/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Như N, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 30, ấp BC, xã Bl, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng K, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 30, ấp BC, xã Bl, huyện C, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Ấp Bình Hưng, xã Bl, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình hòa giải, xét xử, nguyên đơn chị Lê Như N trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh K hay ghen tuông, xúc phạm danh dự chị, đời sống chung không hòa

hợp, vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm. Hiện cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị N yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh K.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Lê Như H, sinh ngày 19/11/1999 và Nguyễn Lê Bảo T, sinh ngày 13/9/2006. Cháu H đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu cháu T có nguyện vọng chung sống với chị N thì chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Trọng K trình bày tại phiên hòa giải ngày 07 tháng 5 năm 2019 như sau:

- Về hôn nhân: Vợ chồng bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị N có người khác bên ngoài. Vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh đồng ý với điều kiện chị N phải trả cho anh 7.000.000 đồng, đây là tiền mà em vợ Lê Thị Nguyên, cô Sáu vay không lãi và 01 chỉ vàng 24kr anh cho thầu đề tên Nguyễn Thanh Hồng mượn, nhưng vợ anh bán số đề bị giựt nên ông Hồng đã trừ cần ngang.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Lê Như H, sinh ngày 19/11/1999 và Nguyễn Lê Bảo T, sinh ngày 13/9/2006. Cháu H đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện cháu T đang sống chung với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T và anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị N vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh K. Anh K vắng mặt không lý do.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Photo chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu; bản sao giấy khai sinh cháu H và cháu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Đối với bị đơn Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, xem như từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Trọng K có đặt vấn đề anh đồng ý ly hôn với điều kiện chị N phải trả cho anh 7.000.000 đồng và 01 chỉ vàng, anh K có trình bày ý kiến nhưng không làm đơn khởi kiện yêu cầu đòi tài sản. Tòa án đã mở phiên tòa xét xử, anh K nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên xem như anh K đã từ bỏ quyền của mình.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh K chung sống, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh K ghen tuông, xúc phạm danh dự chị N, vợ chồng ly thân đã lâu. Nay tình cảm không còn chị N xin được ly hôn với anh K, anh K cũng đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện chị N phải trả cho anh 7.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24kr.

Xét, quan hệ hôn nhân của chị N và anh K, Hội đồng xét xử nhận định: Chị N và anh K chung sống với nhau có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn là không phù hợp quy định pháp luật tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn và ly thân đã lâu. Đồng thời, tại phiên hòa giải anh K cũng trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với điều kiện chị N phải trả cho anh 7.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24kr, thể hiện anh chị đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh K là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N nhưng do anh chị không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Lê Như H, sinh ngày 19/11/1999 và Nguyễn Lê Bảo T, sinh ngày 13/9/2006. Cháu H đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hiện cháu T đang sống chung với anh K, anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T và anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Chị N cũng có yêu cầu được nuôi cháu T, cháu T có nguyện vọng được sống chung với chị N. Xét nguyện vọng của cháu T, yêu cầu của anh K, để ổn định tinh thần, sinh sống, học tập của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu T cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Như N đối với anh Nguyễn Trọng K.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Như N với anh Nguyễn Trọng K.

2. Về con chung:

- Nguyễn Lê Như H, sinh ngày 19/11/1999 đã trưởng thành và có khả năng lao động không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Giao cháu Nguyễn Lê Bảo T, sinh ngày 13/9/2006 cho chị Lê Như N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Trọng K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Như N không yêu cầu anh Nguyễn Trọng K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Lê Như N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001120 ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Tuấn Nguyễn Thanh Tiền Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn N Bờ Nguyễn Thị Kim Phượng Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình An, Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn N Bờ Phạm Văn Trung Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tiền Đoàn Văn Hiển **Lê Thị Hồng Thi**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 9 năm 2018.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện C.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

+ Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tiền.

2. Ông Đoàn Văn Hiển.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 308/2018/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Xuân, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Bình Thạnh, xã BC, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh Phương, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 01, ấp Bình Lộc, xã BC, huyện C, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Về quan hệ pháp luật: Biểu quyết 3/3.

"Tranh chấp ly hôn"

- Về áp dụng pháp luật: Biểu quyết 3/3.

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án:

1. Về hôn nhân: Biểu quyết 3/3.

Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Xuân và anh Nguyễn Thanh Phương.

2. Về con chung: Biểu quyết 3/3.

Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Nam, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2004 và Nguyễn Thị Bích Tuyền, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2007 giao 02 con chung cho anh Phương trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Xuân có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung không có: Biểu quyết 3/3.

Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về án phí sơ thẩm: Biểu quyết 3/3.

Chị Phan Thị Xuân phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu số 0002185 ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về quyền kháng cáo: Biểu quyết 3/3.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 15 phút, ngày 28/9/2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tiền Đoàn Văn Hiển Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Đào Hữu Cảnh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tiền Trần Thị Kim Bình **Lê Thị Hồng Thi**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
TÒA
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Lê Thị Hồng Thi

TÒA ÁN NHÂN DÂN **NAM** **HUYỆN C** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

C, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về "T/c về ly hôn", giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984
2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô N Phỉ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông H Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: "tranh chấp về ly hôn": Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.
- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bán án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Trần Nghi Bình	H Công Tấn	Ngô N Phỉ